TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 02 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Xuân Minh

Ông Huỳnh Văn Năm.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 28 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 800/2019/TLST -HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Tạ Thị Kim N – sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Chổ ở: Số 07, đường B, thị trấn P, thành phố V; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Minh H – sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2019 và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 20/02/2020 chị Tạ Thị Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H sống chung năm năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây năm 1994 theo quy định pháp luật, hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có hai người con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995 và cháu Nguyễn Tiến D, sinh năm 2001, cháu A hiện đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết. Cháu Đ do có nhược điểm về tâm thần, hạn chế trong

nhận thức nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thõa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Minh H đúng theo quy định pháp luật nhưng anh H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Hóa có nơi cư trú tại ấp 2, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Tạ Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Minh H, yêu cầu trực tiếp nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N là người khởi kiện, anh H là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự chị N là nguyên đơn, anh H là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh H đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ những vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt chị N, anh H theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 1994 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với anh H. Trường hợp nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Anh chị có hai người con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995 và cháu Nguyễn Tiến D, sinh năm 2001, cháu A hiện đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết. Cháu Đ do có nhược điểm về tâm thần, hạn chế trong nhận thức nên chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ. Xét thấy cháu Đ do có nhược điểm về nhận thức và điều khiển hành vi nên cần có người trực tiếp bên cạnh nuôi dưỡng, chăm sóc, chị N là người trước giờ luôn bên cạnh để chăm sóc cháu và hiện cháu đang sống cùng với chị. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đ cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với sự phát triển ổn định vốn có của cháu và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Đ, xét đây là ý chí tự nguyện của chị N nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định tự thõa thuận với anh H về sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Anh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị Kim N về việc ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tạ Thị Kim N và anh Nguyễn Minh H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tiến D, sinh năm 2001 cho chị Tạ Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh Nguyễn Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Tạ Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003010 ngày 17 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, chị Tạ Thị Kim N được nhận lại số tiền 2.200.000 đồng.

Án xử công khai, chị Tạ Thị Kim N, anh Nguyễn Minh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT và THA TAND tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình Tây;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp